

# NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT VỚI VIỆC RÈN KĨ NĂNG LÀM VĂN CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN THỊ HIÊN\*

**T**rong giao tiếp thường ngày - giao tiếp miệng cũng như giao tiếp viết - chúng ta có thể tạo ra một ngôn bản ngắn hay dài tùy ý, nhưng không thể ngắn hơn một câu. Điều đó gây nên ấn tượng rằng, dường như trong giao tiếp, chúng ta chỉ cần tạo ra một câu là đủ. Nhưng thực tế của việc giao tiếp lại không phải như vậy. Lời nói của chúng ta, ở cả dạng nói cũng như dạng viết, rất ít khi chỉ là một câu mà thường là một chuỗi câu, một đơn vị lớn hơn câu. Đơn vị đó được gọi là văn bản. Chúng ta thể hiện những tư tưởng của mình, những ý nghĩ của mình và trao đổi với người khác chủ yếu dưới dạng văn bản. Thực tế này cho thấy chúng ta đã thừa nhận văn bản là đơn vị giao tiếp cơ bản của ngôn ngữ và theo đó chúng ta cũng thừa nhận *lí thuyết ngôn ngữ học văn bản* trở thành một tiền đề lí luận quan trọng của việc dạy học Làm văn ở nhà trường phổ thông. Đây là một lí thuyết định hướng, giúp các nhà phương pháp, các giáo viên (GV) trực tiếp giảng dạy có cơ sở khoa học để tìm ra những biện pháp rèn luyện cho học sinh (HS) cách tổ chức một bài làm văn sao cho mạch lạc, đúng với quy tắc ngữ pháp của một ngôn ngữ.

Lí thuyết ngôn ngữ học văn bản khẳng định lời nói của chúng ta dùng trong hoạt động giao tiếp thường không phải một câu mà là một văn bản. Văn bản đó có thể ngắn hoặc cũng có thể dài, nhưng dù ngắn thế nào chẳng nữa cũng không thể ngắn hơn một câu. Văn bản thường là một chuỗi câu được sắp xếp phù hợp với những nguyên tắc tổ chức nhất định, theo một kết cấu nhất định. Sự sắp xếp tùy tiện của một chuỗi câu đúng ngữ pháp không thể tạo thành một văn bản. Nhân tố quyết định để chuỗi câu trở thành văn bản, theo các nhà nghiên cứu, chính là tính mạch lạc và tính liên kết. Vì vậy, để có cơ sở hướng dẫn HS tạo lập được những văn bản chặt chẽ về mạch lạc và liên kết, người GV không thể không xem xét và thông hiểu tất cả những vấn đề này.

## 1. Mạch lạc

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, các nhà ngôn ngữ học khi nghiên cứu về văn bản đã sử dụng thuật ngữ liên kết để chỉ chung cả hai phương diện liên kết

nội dung và liên kết hình thức của văn bản. Theo đó, liên kết nội dung sẽ bao gồm liên kết chủ đề và liên kết logic của văn bản; còn liên kết hình thức chính là những dấu hiệu mang tính vật chất để hình thức hoá liên kết nội dung vốn trừu tượng, thuộc lĩnh vực tinh thần của ngôn ngữ. Gần đây, hai mặt liên kết này được gọi bằng những thuật ngữ khác nhau để phản ánh đúng hơn bản chất của từng vấn đề nghiên cứu. Phương diện liên kết nội dung trước đây được gọi là mạch lạc văn bản, trong khi đó, phương diện liên kết hình thức vẫn được giữ nguyên tên gọi là liên kết văn bản. Trong văn bản, mạch lạc chính là chất keo, là yếu tố không thể thiếu để gắn kết các câu tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

**Mạch lạc** (Coherence) là một khái niệm phức tạp và bao gồm nhiều yếu tố trừu tượng không dễ xác định. Mạch lạc không chỉ được nghiên cứu trong văn học, trong ngôn ngữ học mà cả trong tâm lí học. Trên thực tế đã tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm "mạch lạc" này. Có nhà nghiên cứu ngôn ngữ học cho rằng, mạch lạc là "*đặc tính bảo đảm cho các yếu tố khác nhau trong một văn bản khớp được với nhau trong một tổng thể gắn kết*"; hoặc mạch lạc là "*sự nối kết có tính chất logic được trình bày trong quá trình triển khai một cốt truyện, một truyện kể...*"; hoặc mạch lạc là "*những mối quan hệ kết nối thiết lập được thông qua ý nghĩa giữa các câu*"; "*tính lập luận là sợi chỉ đỏ đảm bảo tính mạch lạc về nội dung bên cạnh tính liên kết về hình thức của văn bản, của diễn ngôn*"... (1).

Theo các nhà nghiên cứu, chúng ta có thể phân biệt ba cách nhìn nhận về mạch lạc trong lí thuyết ngôn ngữ: 1) Mạch lạc là liên kết nội dung của các phát ngôn bao gồm cả liên kết nội dung mệnh đề và nội dung dụng học; 2) Mạch lạc là phần bổ sung cho liên kết để lí giải tính văn bản, phân biệt văn bản thống nhất trong một chỉnh thể với tập hợp của những phát ngôn hỗn độn. Mạch lạc là những yếu tố thuộc ngữ cảnh (context) và ngữ vực (registes) góp phần gắn kết

\* Trường Đại học Hải Phòng

các thành tố cấu thành văn bản; 3) Mạch lạc là sự gắn kết, bao trùm liên kết nội dung các phát ngôn. Liên kết nội dung của các phát ngôn chỉ là biểu hiện của mạch lạc. Cách nhìn này xuất phát từ chính thể văn bản trong mối quan hệ với các thành tố cấu tạo của nó.

Có thể thấy, khi đề cập đến mạch lạc, các nhà nghiên cứu đều khẳng định, mạch lạc là đặc trưng cơ bản nhất của một văn bản. Mạch lạc có thể được hiểu là sự gắn kết của các yếu tố tạo nên nội dung văn bản; cũng có thể được hiểu là sự hoạt động của một tập hợp các thao tác đảm bảo tính tích hợp về nhận thức đối với văn bản được thể hiện trong cách xác lập những quan hệ logic, chẳng hạn như những quan hệ về nguyên nhân - kết quả, không gian - thời gian, tương phản, nhượng bộ,... Mạch lạc là kết quả hoạt động tương tác của nhận thức được thể hiện trong văn bản.

Vấn đề mạch lạc đã được đưa vào chương trình phổ thông và được xác nhận là đặc trưng cơ bản nhất của văn bản. Khi nói về tính mạch lạc của văn bản, SGK Ngữ văn 7, tập 2 đã viết: "*Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản có các phần, các đoạn, các câu đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt. Các phần, các đoạn, các câu phải được nối tiếp theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhằm làm cho chủ đề liền mạch và gọi được nhiều hứng thú cho người đọc (người nghe)*". Trong nội dung dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông, tính mạch lạc trong văn bản được thể hiện cụ thể qua những mặt chủ yếu như sau:

- *Mạch lạc về đề tài.* Đề tài ở đây được hiểu là mảng hiện thực được tác giả nhận thức và trình bày trong văn bản. Đề tài có thể rộng, ví dụ như đề tài về nông thôn, đề tài về HS... nhưng đề tài của văn bản cũng có thể hẹp hơn, nghĩa là mảng phạm vi hiện thực nhỏ hơn, ví dụ mảng hiện thực về đời sống vật chất hoặc đời sống tinh thần của nông dân, về việc trồng lúa, trồng rau hoặc trồng các loại cây khác của họ... Đề tài của văn bản có thể là một sự việc, một hiện tượng, một thái độ, một chính kiến, một quan điểm nào đấy,... được tác giả nhận thức. Khi tất cả các câu trong văn bản chỉ tập trung nói về một hiện thực duy nhất, hoặc về những mảng hiện thực có quan hệ rất gần gũi với nhau, không thể tách rời nhau như những mối quan hệ ràng buộc tất yếu thì văn bản đó được xác nhận có sự mạch lạc về đề tài. Trong văn bản, mạch lạc về đề tài được thể hiện chủ yếu qua hệ thống các danh từ, ngữ danh từ hoặc hệ thống của các đại từ.

- *Mạch lạc về chủ đề.* Trong ngôn ngữ học văn bản, chủ đề được hiểu là quan điểm, thái độ, chính

kiến hoặc điều tác giả muốn dắt dẫn người đọc đến thông qua đề tài của văn bản. Như vậy, khái niệm chủ đề ở đây có thể có những điểm khác biệt nhất định so với khái niệm chủ đề hoặc tư tưởng chủ đề trong lí luận văn học. Đề tài có thể giống nhau trong một số văn bản nhưng chủ đề lại có thể rất khác nhau giữa các văn bản đó. Có thể cùng đề tài nhưng ở văn bản này là sự ngợi ca, cảm thông, đồng điệu, nhưng ở văn bản khác lại có thể là sự phê phán, lên án, đả kích,... Khi tất cả các câu trong một văn bản đều được viết theo một quan điểm, một chính kiến hay một tình cảm, thái độ nhất quán, văn bản đó được xác nhận có sự mạch lạc về chủ đề. Nói một cách khác, khi các câu trong văn bản đều được viết theo cùng một hướng đích, văn bản đó sẽ có sự mạch lạc về chủ đề.

Chủ đề trong một văn bản không phải lúc nào cũng đơn nhất mà thường là một cấu trúc bao gồm nhiều tiểu chủ đề hay nhiều chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề nhỏ thể hiện một khía cạnh nào đó của chủ đề lớn, góp phần làm cho chủ đề lớn được xuyên suốt trong toàn văn bản và hiện thực được phản ánh hiện lên một cách rõ ràng, chính xác, dễ hiểu. Mỗi chủ đề nhỏ có thể được thực hiện bằng một đoạn văn, hoặc một vài đoạn văn. Mỗi đoạn văn lại là một chính thể nhỏ, có tính thống nhất nội tại. Tính thống nhất về chủ đề được bộc lộ trực tiếp hay gián tiếp trong hệ thống động từ và tính từ của văn bản. Các câu, các đoạn, các phần trong văn bản với các cung bậc khác nhau đều phải liên kết chặt chẽ với nhau và giới hạn trong một ý tưởng chung, một mục đích chung, cùng hướng về một chủ đề nhất định, cùng góp phần thể hiện chủ đề chung của văn bản.

- *Mạch lạc về logic.* Logic là sự phản ánh quy luật tồn tại, vận động và phát triển của hiện thực khách quan. Đồng thời, logic còn là sự phản ánh những quy luật nhận thức của con người về chính những hiện thực khách quan ấy. Vì thế, để thể hiện được tính mạch lạc về logic, văn bản cần đảm bảo phản ánh đúng những quy luật ấy.

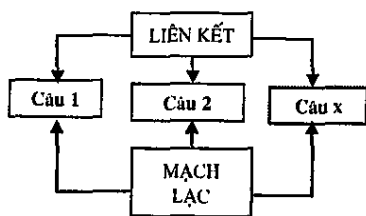
Logic của một văn bản thường bao gồm hai loại: logic hiện thực mang tính khách quan và logic trình bày mang tính chủ quan. Logic hiện thực đòi hỏi văn bản phải phản ánh chính xác sự tồn tại, vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Để thuyết phục người tiếp nhận văn bản đồng tình và làm cho họ tin tưởng vào những điều mà tác giả trình bày, trước hết, thông tin đưa ra trong văn bản phải được coi là đúng với hiện thực khách quan và phù hợp với ngữ cảnh. Còn logic trình bày trong văn bản là sự sắp xếp hệ thống các ý theo một trình tự hợp lí giúp cho người đọc dễ hiểu, dễ

nhận thức những nội dung thông tin trong văn bản đó. Khi trình bày về hiện thực, tác giả phải biết mở rộng và triển khai chủ đề lớn thành các chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề nhỏ chính là một ý hay còn gọi là một nhóm thông tin và thường được trình bày thành một đoạn văn. Các chủ đề nhỏ lại phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, căn cứ vào đề tài - chủ đề của toàn văn bản, để tạo thành một chỉnh thể liền mạch, thông suốt không bị luẩn quẩn hay đứt mạch. Vì vậy, mạch lạc trong văn bản không chỉ thể hiện ở logic của việc văn bản có phản ánh chính xác hiện thực hay không mà còn thể hiện ở việc trình bày hệ thống các chủ đề bộ phận của văn bản đó có phù hợp với quy luật của tư duy, của logic hay không, có tuân theo một trật tự không gian, thời gian, tâm lí... hợp lí hay không. Mạch lạc về logic trình bày giúp cho hiện thực được phản ánh hiện lên một cách sáng rõ và người đọc nhận thức được nhanh nhất, sâu sắc nhất những vấn đề bản chất của hiện thực đó. Trong văn bản, sự chặt chẽ về mặt logic thường được đảm bảo bằng hệ thống của các quan hệ từ, sự sắp xếp trật tự từ và trật tự câu được sử dụng trong văn bản đó.

Rõ ràng là những vấn đề đặt ra trong lí thuyết về ngôn ngữ học văn bản cũng chính là những vấn đề được các GV quan tâm trong việc rèn luyện kĩ năng làm văn cho HS. Tạo lập văn bản đảm bảo tính mạch lạc về cả ba mặt - đề tài, chủ đề và logic - là yêu cầu bắt buộc đối với mọi bài văn của HS. Không đảm bảo được tính mạch lạc ấy, bài văn của HS sẽ chỉ là một chuỗi câu hỗn độn, một chuỗi câu sắp xếp tùy tiện, dù bài văn đó tồn tại ở dạng nói hay dạng viết.

## 2. Liên kết

Liên kết (cohesion) là những dấu hiệu hình thức chỉ ra các kiểu quan hệ giữa các câu trong văn bản khi giao tiếp. Nếu mạch lạc là sự thống nhất nội dung bên trong, là sự thống nhất nghĩa của văn bản thì liên kết là sự thể hiện vật chất, là sự hiện thực hoá của mạch lạc trong văn bản. Nói cụ thể hơn thì liên kết văn bản được thể hiện bằng những dấu hiệu mang tính vật chất, do đó việc nhận ra nó sẽ dễ dàng hơn và tưởng mình hơn so với mạch lạc văn bản. Chúng ta có thể hình dung mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc trong văn bản qua sơ đồ sau:



Sơ đồ. Mạch lạc và liên kết trong văn bản

Theo sơ đồ bên, liên kết là một hệ thống các dấu hiệu xác nhận tính mạch lạc của các câu trong văn

bản. Người đọc, người nghe nhận ra tính mạch lạc của văn bản là nhờ liên kết, nhờ những dấu hiệu mang tính vật chất, cụ thể có trong văn bản. Không có liên kết, chúng ta sẽ rất khó xác định tính mạch lạc của văn bản một cách chính xác và rõ ràng.

Như vậy, văn bản muốn thể hiện được tính mạch lạc phải dựa vào những yếu tố hình thức mang tính vật chất. Những yếu tố đó là các phương tiện ngôn ngữ. Các phương tiện này rất đa dạng: có thể phương tiện đó chỉ là một từ, một ngữ; cũng có thể phương tiện đó lại là một kiểu cấu tạo câu, sắp xếp câu; cũng có thể phương tiện đó lại là một bố cục văn bản hoặc thủ pháp kết cấu văn bản... Những phương tiện này được tổ chức theo những cách thức nhất định, hoặc lặp lại, hoặc thay thế,... để thể hiện cụ thể sự mạch lạc của văn bản. Cách thức tổ chức ấy sẽ tạo thành các phép liên kết văn bản. Một số phép liên kết thường gặp như phép lặp (lặp ngữ âm, lặp từ vựng, lặp ngữ pháp); phép thế (thế đại từ, thế bằng các từ gần nghĩa, đồng nghĩa,...); phép đối (đối trái nghĩa, đối phủ định, đối miêu tả, đối làm thời); phép liên tưởng (liên tưởng bao hàm, liên tưởng đồng loại, liên tưởng định lượng, liên tưởng định vị, liên tưởng định chức, liên tưởng đặc trưng, liên tưởng nhân quả,...); phép nối; phép tỉnh lược;... Nếu phép lặp làm cho câu văn nhịp nhàng, uyển chuyển, nhấn mạnh,...; phép đối làm cho câu văn, đoạn văn hài hoà, cân đối và có sức thuyết phục cao,...; phép nối lại có tác dụng làm cho sự liên kết các câu, các ý trở nên chặt chẽ và bộc lộ rõ ràng, đầy đủ mối quan hệ ngữ nghĩa giữa chúng,... thì phép liên kết tỉnh lược làm cho các câu, các ngữ đoạn được liên kết chặt chẽ với nhau, làm nổi bật cảm xúc, thái độ của người viết; sắc thái riêng, tính hình tượng của sự vật, vấn đề đưa ra giao tiếp... Vì thế, trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (nói, viết), các phép liên kết đóng một vai trò hết sức quan trọng. Việc sử dụng các phép liên kết trong quá trình tạo lập, sản sinh văn bản thể hiện năng lực ngôn ngữ của mỗi cá nhân. Dạy học Làm văn do đó không thể không rèn luyện kĩ năng sử dụng liên kết cho HS. Để luyện tập kĩ năng này, có thể tiến hành ở nhiều công đoạn khác nhau của quá trình dạy học Làm văn, ở nhiều giờ học Làm văn khác nhau như là các giờ luyện tập thực hành luyện sử dụng liên kết trong đoạn văn hay các giờ trả bài nhằm chỉ ra những lỗi của HS khi dùng từ, đặt câu, viết đoạn sai về liên kết,...

3. Từ tất cả những điều vừa trình bày ở trên, chúng ta thấy mạch lạc và liên kết là những bình diện khác nhau, là những mặt khác nhau của văn bản. Sự thống

nhất về đề tài, chủ đề và logic tạo nên tính mạch lạc, tạo nên hạt nhân nghĩa cho văn bản. Đây là bình diện thuộc lĩnh vực tinh thần của văn bản. Trong khi đó, liên kết lại là một hệ thống các dấu hiệu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ mang tính vật chất của văn bản. Nhờ những dấu hiệu vật chất này mà mạch lạc được hiện thực hoá và tường minh hoá. Vì vậy, trong việc tạo lập văn bản, chúng ta không phải chỉ cần chú ý tới mạch lạc - dù đó là đặc tính quan trọng nhất, cốt yếu nhất của văn bản - mà còn cần phải chú ý tới cả đặc tính liên kết của văn bản nữa. □

(1) Diệp Quang Ban. **Văn bản và liên kết trong tiếng Việt**. NXB Giáo dục, H. 1999.

**Tài liệu tham khảo**

1. Lê A (chủ biên) - Nguyễn Quang Ninh - Bùi Minh Toán. **Phương pháp dạy học Tiếng Việt**. NXB Giáo dục, H. 2000.
2. Nguyễn Trọng Báu - Nguyễn Quang Ninh - Trần

Ngọc Thêm. **Ngữ pháp văn bản và việc dạy Làm văn**. NXB Giáo dục, H. 1985.

3. Bộ GD-ĐT. **Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn**. NXB Giáo dục, H. 2006.
4. Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán. **Đại cương ngôn ngữ học** (tập 1+2). NXB Giáo dục, H. 2001.

**SUMMARY**

*Text-related linguistic theories state that our speech in communication is not often a single sentence but a text, including chain of sentences which are suitably arranged, basing on certain rules and a specific structure. According to researchers, the key factors deciding if a chain of sentences becomes a text are coherence and cohesion. Therefore, in the process of teaching literature at high schools, coherence and cohesion are important-orientated theories. This study mentions the stated theory system in detail for supplying teachers the background of coherence and cohesion which builds up a concrete foundation for them to instruct their students into producing coherent and cohesible texts.*

**Tự học - kĩ năng cần thiết...**

(Tiếp theo trang 35)

học. Sinh thời, Người luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp trồng người của đất nước. Người đã dạy: "Về cách học phải lấy tự học làm cốt". Thấm nhuần lời dạy của Bác, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao vai trò tự học. **Luật Giáo dục** (2005) nêu rõ: "Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành lòng say mê học tập và ý chí vươn lên" (1). Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, BCHTW Đảng khóa VIII đã khẳng định: "Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục đào tạo... phát triển mạnh mẽ phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên" (2).

Trong lịch sử giáo dục nước ta, việc đổi mới mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục luôn được quan tâm qua từng giai đoạn phát triển. Để đạt được mục tiêu giáo dục đòi hỏi người dạy - người học phải hợp tác với nhau, trong đó người học phải có phương pháp suy nghĩ, suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề đúng đắn để tiếp thu kiến thức đã học. Muốn vậy, người học phải tích cực, chủ động, độc lập suy nghĩ, phải có cách học tập hợp lí.

Tự học là con đường phát triển suốt đời của mỗi con người. Đó cũng là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Tự học là con đường tốt nhất giúp cho người học, cho mỗi sinh viên hiểu biết sâu sắc và làm phong phú thêm kiến thức của mình; giúp họ sáng tạo ra

những giá trị để góp phần xây dựng cuộc sống. □

(1) **Luật Giáo dục**. NXB Giáo dục, H. 2005.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

**Tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Anh - Đỗ Thị Châu. **Tự học của sinh viên**. NXB Giáo dục, H. 2008.
2. Nguyễn Ngọc Bảo. "Một số suy nghĩ về tính tích cực tính độc lập nhận thức và mối liên hệ giữa chúng". Tạp chí *Thông tin khoa học giáo dục*, 1983.
3. Lê Khánh Bằng. **Cơ sở khoa học của tự học và hướng dẫn tự học**, H 1998.
4. Hà Thị Đức. "Về hoạt động tự học của sinh viên sư phạm". Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 5/1993.
5. Nguyễn Kỳ. **Tự đào tạo để dạy học**, NXB Giáo dục, H. 1998.
6. Phan Trọng Ngọ. **Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường**, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2005.

**SUMMARY**

*Base on the education demand of all mankind in our society, distance education has been formed from the very beginning. Distance education is a type of education in which the educator and the learner are distant from each other in term of time and space majority of the education duration. It emphasizes on the learner's self-learning ability. Self-learning has an important role, it has a dramatic effect on the learner's learning outcomes. Self-learning ability plays as a crucial factor, which enables the learner to complete their learning task and mission.*